ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 60/2025/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11586/TTr-SNNMT ngày 12/12/2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2026 và thay thế Quyết định số 55/2025/QĐ-UB ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế- Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học; Ban NCTCD;
- Các Phòng: THKSTTHC, KTTC, VHXH;
- Lưu: VT, SNNMT, Hai.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND Ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đối với hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm thuộc các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án, nhiệm vụ quản lý đất đai hoặc nhiệm vụ có hạng mục quản lý đất đai bao gồm:

1. Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;

2. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính;

3. Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

4. Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai;

5. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

6. Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất;

7. Điều tra, đánh giá đất đai và bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

8. Các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ chuyên môn khác thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ quản lý đất đai hoặc nhiệm vụ có hạng mục quản lý đất đai; tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giám sát công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là hoạt động theo dõi về tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và việc tuân thủ các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định trong các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kiểm tra công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là việc thực hiện các phương pháp kỹ thuật để đánh giá chất lượng, xác định khối lượng các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các quy định trong các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đánh giá, kiểm định công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là việc đánh giá chất lượng, khối lượng công trình hoặc hạng mục công trình trên cơ sở hồ sơ, các sản phẩm công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành và tài liệu liên quan khác.

4. Nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là việc chủ đầu tư xác nhận chất lượng, khối lượng các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai.

5. Cơ quan quyết định đầu tư công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn đầu tư cho công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai.

6. Chủ đầu tư công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là cơ quan sở hữu vốn hoặc được cơ quan quyết định đầu tư giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải tiến hành định kỳ và có hệ thống trong quá trình thực hiện trên cơ sở kế hoạch giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu được lập theo tiến độ thi công từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê đơn vị giám sát, kiểm tra có chức năng phù hợp *(sau đây gọi chung là đơn vị giám sát, kiểm tra)* thực hiện giám sát, kiểm tra công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư.

3. Các tổ chức, cá nhân thi công *(sau đây gọi chung là đơn vị thi công)* công trình, sản phẩm phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trước khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu.

4. Trong thời gian thi công, trường hợp có sự thay đổi về chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thì quá trình giám sát, kiểm tra phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thay đổi.

Điều 5. Mục đích giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Bảo đảm cho công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thi công, giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Phát hiện những sai sót trong quá trình thi công để kịp thời khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Đánh giá, xác nhận đúng chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành.

Điều 6. Cơ sở pháp lý để giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền trong quá trình thi công.

2. Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trách nhiệm của cơ quan quyết định đầu tư

Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc đối với công nghệ chưa có quy định kỹ thuật; phát sinh do thay đổi chính sách; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật, giải quyết những phát sinh về khối lượng, mức khó khăn (nếu có) dẫn đến tổng giá trị vượt quá 05 phần trăm so với tổng giá trị dự toán của cả công trình đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài thời gian thi công công trình so với thời gian thi công đã được phê duyệt.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với

các công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được giao;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; lập hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được giao làm chủ đầu tư;

c) Giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ trong quá trình thi công; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật, phát sinh về khối lượng, mức khó khăn (nếu có) nhưng không làm giá trị vượt quá 05 phần trăm so với tổng giá trị dự toán của cả công trình đã được phê duyệt.

d) Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

đ) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đang thi công không đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc vi phạm các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quyết định đầu tư;

e) Lập báo cáo gửi cơ quan quyết định đầu tư về chất lượng, khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành khi kết thúc công trình.

3. Trách nhiệm của đơn vị thi công

a) Thực hiện thi công theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

b) Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công và chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện và tự chịu trách nhiệm về kinh phí; phối hợp với chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu cấp chủ đầu tư theo quy định;

c) Chịu sự giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu của chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được giao thực hiện;

d) Hàng tháng lập báo cáo về khối lượng, tiến độ đã thực hiện gửi chủ đầu tư trước ngày 25;

đ) Khi có sự thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

4. Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

a) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nội dung giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công theo thẩm quyền. Báo cáo chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền;

c) Báo cáo đầy đủ với chủ đầu tư những vấn đề kỹ thuật ngoài đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được duyệt, khối lượng phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công (nếu có);

d) Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thi công trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các quy định;

đ) Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thi công vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;

e) Lập Hồ sơ kiểm tra chất lượng, Hồ sơ nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư;

g) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi cố ý làm sai lệch kết quả giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho chủ đầu tư hoặc đơn vị thi công theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Phối hợp với chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong việc thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do đơn vị thi công thực hiện.

b) Báo cáo, đề xuất chủ đầu tư xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật-dự toán, phương án nhiệm vụ sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Điều 8. Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Sau khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng kinh tế, đơn vị

thi công phải lập kế hoạch thi công chi tiết trong đó nêu rõ tiến độ thi công, tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gửi chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) để có kế hoạch giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu.

2. Trên cơ sở kế hoạch thi công của đơn vị thi công, chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) tổ chức lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với tiến độ của chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc hợp đồng kinh tế đã ký kết, gửi đơn vị thi công và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 9. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do chủ đầu tư thực hiện được xác định trong tổng dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do đơn vị thi công thực hiện được tính trong đơn giá, dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

Chương II

CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Điều 10. Giám sát công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nội dung giám sát công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Giám sát nhân lực, máy móc, thiết bị sử dụng để thi công công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Giám sát sự phù hợp của quy trình công nghệ đơn vị thi công áp dụng so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được chủ đầu tư cho phép;

c) Giám sát tiến độ thi công công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Giám sát về khối lượng phát sinh trong quá trình thi công công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có);

đ) Giám sát quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công.

2. Trong quá trình giám sát công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước người trực tiếp giám sát phải tiến hành ghi Nhật ký giám sát công trình theo Mẫu số 01 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 11. Đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai

1. Chủ đầu tư giao tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng, chủ đầu tư ra quyết định thành lập, thành phần Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và một số thành viên thuộc các đơn vị chức năng có liên quan, chuyên gia am hiểu về chuyên môn công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai (nếu cần thiết).

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng

a) Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số. Phiên họp của Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng phải đảm bảo có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng theo quyết định thành lập.

b) Chủ tịch Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng, kiến nghị chủ đầu tư các nội dung có liên quan đến trách nhiệm được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về sự đúng đắn, khách quan đối với kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng.

4. Căn cứ đánh giá, kiểm định

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công.

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư.

c) Các hạng mục công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

5. Nội dung và thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc đánh giá, kiểm định chất lượng hạng

mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán, phương án nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc.

Nội dung đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm:

a) Đánh giá, kiểm định về việc tuân thủ các quy định trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác.

b) Đánh giá, kiểm định việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Đánh giá, kiểm định việc xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công theo yêu cầu của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (nếu có).

d) Đánh giá, kiểm định việc xác định khối lượng đạt chất lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn dựa trên một số mẫu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Căn cứ kết quả đánh giá, kiểm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ đánh giá, kiểm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng) chỉ đạo các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện khi chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp, hồ sơ tài liệu chưa hợp lệ.

7. Kết thúc quá trình đánh giá, kiểm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ đánh giá, kiểm định chất lượng hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng) phải lập báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 08 Phụ lục 02 ban hành kèm theo quy định này.

Chương III

QUY CHẾ KIỂM TRA, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Điều 12. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nội dung, mức kiểm tra của đơn vị thi công, chủ đầu tư phục vụ đánh

giá, kiểm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

Đối với các nội dung, hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai không được quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này thì nội dung kiểm tra được thực hiện theo chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Mức kiểm tra tối thiểu cấp đơn vị thi công đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 20 phần trăm (20%) và nội nghiệp là 60 phần trăm (60%); mức kiểm tra tối thiểu cấp chủ đầu tư đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 05 phần trăm (5%) và nội nghiệp là 15 phần trăm (15%).

2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

a) Công tác kiểm tra công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết và được thực hiện ở cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư.

b) Công tác kiểm tra được thực hiện ở nội nghiệp hay ngoại nghiệp hoặc cả hai tùy thuộc vào từng hạng mục sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cụ thể. Thực hiện việc đối soát thông tin trong từng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và giữa các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để kiểm tra sự đầy đủ, thống nhất thông tin của sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Trong một số trường hợp phải thực hiện lại một số nội dung công việc của quá trình thi công để so sánh, đối chiếu, đánh giá chất lượng sản phẩm so với các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, nội dung chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

c) Trong quá trình kiểm tra công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được phép sử dụng thiết bị, công nghệ và các nguồn tư liệu, dữ liệu khác để thực hiện đánh giá chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Đối với các hạng mục công việc kiểm tra mang tính xác suất, phạm vi lấy mẫu kiểm tra phải được phân bố đều trong toàn bộ phạm vi thi công.

đ) Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước giao nộp.

e) Đối với các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ có thể thực hiện kiểm tra công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cuối cùng bằng phương pháp tổng hợp thì đơn vị giám sát, kiểm tra lập phương án kiểm tra trình chủ đầu tư phê duyệt.

3. Ghi nhận kết quả kiểm tra

a) Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng Phiếu ghi ý kiến kiểm tra các hạng mục được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

b) Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, tổng hợp đánh giá chất lượng, khối lượng của từng hạng mục và tiến hành lập Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của từng hạng mục theo Mẫu số 03 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 13. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công

1. Đơn vị thi công sử dụng đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của mình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do đơn vị mình thực hiện và lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Trước khi tiến hành kiểm tra chất lượng, khối lượng, đơn vị thi công phải thông báo về kế hoạch kiểm tra tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra.

3. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với từng hạng mục công việc, đơn vị thi công giao nộp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được kiểm tra đạt chất lượng theo quy định, Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng và văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 14 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra.

4. Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, đơn vị thi công lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công theo Mẫu số 04 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

b) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị thi công theo Mẫu số 05 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

c) Báo cáo đối với những vấn đề phát sinh, vướng mắc về công nghệ, về định mức kinh tế - kỹ thuật, về khối lượng, mức khó khăn và những vấn đề khác so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc của cấp có thẩm quyền trong thời gian thi công công trình (nếu có).

d) Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 02 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 03 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

5. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công lập thành 03 bộ: 01 bộ gửi chủ đầu tư, 01 bộ gửi đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư và 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

Điều 14. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư

1. Sau khi nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công hợp lệ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Quy định này và sản phẩm kèm theo, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có) tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý, tính thống nhất, tính hợp lệ của hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công;

b) Phân tích, đánh giá nội dung báo cáo tổng kết kỹ thuật, báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và các biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, phiếu ghi ý kiến kiểm tra, số liệu, tài liệu kiểm tra cấp đơn vị thi công;

c) Kiểm tra, đánh giá quy cách sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước so với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và các quy định khác trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Trường hợp chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước chưa đạt yêu cầu, đơn vị thi công có trách nhiệm sửa chữa theo các ý kiến kiểm tra và gửi báo cáo sửa chữa sản phẩm theo Mẫu số 15 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này kèm theo sản phẩm đã được sửa chữa đến chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có).

d) Kiểm tra lại các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được đơn vị thi công sửa chữa và lập Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo Mẫu số 16 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

đ) Xác định khối lượng của các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước không đạt yêu cầu về chất lượng (nếu có);

e) Đánh giá, đề xuất xác định lại mức khó khăn các hạng mục công trình đã thi công phù hợp quy định hiện hành và thực tế sản xuất (nếu có);

g) Lập biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 06 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

h) Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có) lập báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 07 Phụ lục 02 ban hành theo Quy định này.

3. Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có) lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư. Hồ sơ bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có);

đ) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

e) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư (nếu có);

g) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư.

i) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra cấp chủ đầu tư;

4. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư lập thành 05 bộ: 04 bộ lưu giữ tại chủ đầu tư, 01 bộ lưu giữ tại đơn vị giám sát, kiểm tra.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư

1. Quyền của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Yêu cầu đơn vị thi công thực hiện theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Từ chối kiểm tra trong trường hợp đơn vị thi công chưa giao nộp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công hoặc các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước còn tồn tại lỗi mang tính hệ thống;

c) Từ chối xác nhận các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước không đạt chất lượng hoặc các sản phẩm đã có ý kiến kiểm tra nhưng không được sửa chữa toàn diện, triệt để theo yêu cầu;

d) Báo cáo chủ đầu tư về các vi phạm và kiến nghị hình thức xử lý trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy định này hoặc vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;

đ) Đề xuất, kiến nghị chủ đầu tư chấp nhận hoặc thay đổi mức khó khăn so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 12 của Quy định này;

b) Tổng hợp các ý kiến trong quá trình giám sát, kiểm tra và thông báo cho đơn vị thi công. Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công. Trường hợp không thống nhất được ý kiến giữa đơn vị giám sát, kiểm tra với đơn vị thi công thì phải báo cáo chủ đầu tư để giải quyết.

c) Báo cáo đầy đủ với chủ đầu tư những vấn đề kỹ thuật phát sinh ngoài chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), khối lượng phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công (nếu có);

d) Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thi công trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Quy định này.

đ) Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thi công vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công.

e) Lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, hồ sơ nghiệm thu theo quy định.

g) Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp

công sử dụng ngân sách nhà nước đã giám sát, kiểm tra và bị xử lý theo quy định của pháp luật khi cố ý làm sai lệch kết quả giám sát, kiểm tra.

Điều 16. Nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng, chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai đã hoàn thành.

2. Căn cứ nghiệm thu

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

c) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư;

d) Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

đ) Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

3. Nội dung và thời gian nghiệm thu

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc nghiệm thu hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian nghiệm thu có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. Nội dung nghiệm thu bao gồm:

a) Nghiệm thu về chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) các hạng mục công việc đã hoàn thành đạt chất lượng, các hạng mục công việc phát sinh (tăng, giảm) so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Lập Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 9 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này; lập Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã thi công từng năm theo Mẫu số 10 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được thi công trong nhiều năm (nếu có) và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

Điều 17. Lập hồ sơ nghiệm thu

1. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

đ) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu có);

e) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư (nếu trong Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước không có thành phần đơn vị giám sát, kiểm tra tham gia);

g) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

k) Biên bản giao nộp sản phẩm đối với sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành theo quy định tại Điều 18 của Quy định này;

l) Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã thi công từng năm (nếu có).

2. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ: 01 bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư, 02 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ giao nộp kèm theo sản phẩm tại cơ quan lưu trữ, 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

Điều 18. Thẩm định hồ sơ nghiệm thu

Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ mà cơ quan quyết định đầu tư cần kiểm tra, thẩm định lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) của công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thì phải thực hiện lập và thông báo kế hoạch, kiểm tra, thẩm định cho chủ đầu tư và thực hiện đúng theo kế hoạch đã thông báo. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc công tác kiểm tra, thẩm định lại các bên có liên quan phải lập biên bản kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản

phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Biên bản này được lưu trong hồ sơ nghiệm thu.

Điều 19. Giao nộp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Sau khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư chỉ định.

2. Danh mục sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng và được nêu cụ thể trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công.

Điều 20. Lập hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Sau khi có bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Văn bản đề nghị quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lập theo Mẫu số 12 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này;

b) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

c) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

d) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

đ) Bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

e) Biên bản giao nộp sản phẩm hoặc phiếu nhập kho đối với sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

g) Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã thi công từng năm theo Mẫu số 13 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này đối với các công trình được thi công trong nhiều năm.

2. Hồ sơ quyết toán được lập thành 05 bộ: 03 bộ gửi cho chủ đầu tư, 01 bộ gửi cho cơ quan quyết định đầu tư, 01 bộ gửi cho đơn vị thi công.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã thực hiện nhưng chưa kiểm tra chất lượng, khối lượng, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu sau ngày Quy định này có hiệu lực thì tiến hành kiểm tra chất lượng, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu và lập các hồ sơ theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với các công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành hoặc hoàn thành một phần sản phẩm hoặc một số hạng mục công trình mà đã được kiểm tra nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm trước ngày hết hiệu lực Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai hoặc đã được kiểm tra nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm theo quy định tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UB ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An nhưng chưa được thanh toán khối lượng, thanh quyết toán công trình, sản phẩm thì tiếp tục sử dụng kết quả đã được kiểm tra nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm trước đây và lập hồ sơ quyết toán theo Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quy định này và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xử lý các vướng mắc trong công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu đối với hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, nhiệm vụ quản lý đất đai hoặc nhiệm vụ có hạng mục quản lý đất đai.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về UBND tỉnh *(qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)* để được xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục 01

NỘI DUNG VÀ MỨC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
I	**Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính**				
1	**Xây dựng lưới địa chính**				
1.1	**Chọn điểm, đúc mốc, chôn mốc, xây tường vây, lập ghi chú điểm**				
	- Chọn điểm, vị trí so với thiết kế, tầm thông suốt tới các điểm liên quan, thông hướng khi đo:				
	+ Theo đồ giải trên bản đồ	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
	+ Thực địa	Điểm	20	5	Phiếu YKKT
	- Biên bản thỏa thuận sử dụng đất để xây dựng điểm địa chính/thông báo về việc xây dựng điểm địa chính trên đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất được giao quản lý	Biên bản	100	50	Phiếu YKKT
	- Đúc mốc: Chất lượng và quy cách	Mốc	100	5	Phiếu YKKT
	- Chôn mốc, xây tường vây: kiểm tra quy cách chôn, quy cách gắn mốc, quy cách xây tường vây	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Giấy ghi chú điểm và các tài liệu liên quan:				
	+ Nội dung, hình thức ghi chú điểm và biên bản bàn giao mốc	Mốc	100	30	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra ngoài thực địa	Mốc	20	5	Phiếu YKKT
	- Biên bản bàn giao mốc	Biên bản	100	50	Phiếu YKKT
1.2	**Đo ngắm**				
	- Tài liệu kiểm định máy và các thiết bị kỹ thuật có liên quan	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Sơ đồ, đồ hình đo nối, tuyến đo so với thiết kế	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ nhật ký trạm đo, sổ đo và các tài liệu liên quan	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Đo kiểm tra thực địa	Điểm	5	2	Kết quả đo, Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Kết quả tính toán khái lược và đánh giá độ chính xác kết quả đo	Điểm	100	20	Phiếu YKKT
1.3	**Tính toán, bình sai**				
	- Sơ đồ tính toán, bình sai, tệp tin số liệu và kết quả bình sai	Điểm	100	100	Phiếu YKKT
	- Sai số khép tọa độ	Điểm	100	30	Phiếu YKKT
	- Sai số khép độ cao	Đường	100	30	Phiếu YKKT
	- Tài liệu tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác, bảng thành quả, các loại tài liệu liên quan	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
1.4	**Tính đồng bộ, hợp lý**				
	- Kiểm tra tính đồng bộ, hợp lý, lôgíc của các tài liệu, thành quả	Điểm	100	100	Phiếu YKKT
2	**Đo vẽ bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc, đo bằng công nghệ GNSS**				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ				
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tỷ lệ đo vẽ bản đồ so với thiết kế	Mảnh	100	30	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích, tổng hợp diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên bản xác nhận công khai bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp các loại	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
3	**Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính**				
3.1	**Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phạm vi khu vực rộng có lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ**				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ (nếu có)				
	+ Sơ đồ lưới	Tài liệu	100	50	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Phiếu YKKT
	- Căn cứ pháp lý để thực hiện đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	20	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	20	Phiếu YKKT
	- Bổ sung sổ mục kê	Sổ	100	30	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
3.2	**Đo đạc chỉnh lý đơn lẻ**				
	- Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Bản trích lục, trích sao dữ liệu địa chính	Tài liệu	100	50	
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	100	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				Phiếu YKKT
	+ Đối soát hình thể, loại đất	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh hoặc vị trí điểm đỉnh thửa đất	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Bổ sung sổ mục kê	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
3.3	**Trường hợp chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện thường xuyên theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai**	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tự thực hiện kiểm tra			
4	**Trích đo địa chính**				
4.1	**Trích đo địa chính thửa đất**				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Sổ đo các loại	Sổ	100	100	Phiếu YKKT
	- Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	100	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	100	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Tính diện tích	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Hình thể, kích thước, loại đất thửa đất ngoài thực địa	Thửa	100	100	Phiếu YKKT
	- Bản số, bản vẽ trên giấy	Bản vẽ	100	100	Phiếu YKKT
4.2	**Trích đo địa chính cụm các thửa đất (khu đất)**				
	- Tài liệu kiểm định máy móc thiết bị	Tài liệu	100	100	Phiếu YKKT
	- Lưới đo vẽ				
	+ Sơ đồ lưới	Sơ đồ	100	100	Phiếu YKKT
	+ Sổ đo các loại	Sổ	50	20	Phiếu YKKT
	+ Tài liệu tính toán các loại	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	+ Tính toán bình sai, đánh giá độ chính xác	Điểm, tuyến	100	20	Phiếu YKKT
	+ Đo kiểm tra thực địa	Điểm, tuyến	10	5	Kết quả đo, Phiếu YKKT
	- Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Đối soát hình thể, loại đất các thửa đất, vị trí tương hỗ các địa vật, các nội dung khác trên bản đồ	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	+ Kiểm tra kích thước cạnh, vị trí điểm đỉnh thửa đất và diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính số so với diện tích đo đạc xác định trực tiếp tại thực địa	Mảnh	30	10	Phiếu YKKT
	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Cơ sở toán học bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Thể hiện các yếu tố nội dung theo ký hiệu (kiểm tra trên bản đồ số, bản đồ giấy)	Mảnh	50	20	Phiếu YKKT
	- Trình bày trong, ngoài khung bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tiếp biên	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính diện tích, tổng hợp diện tích	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đồng bộ giữa các loại tài liệu	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng tổng hợp các loại	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Sổ mục kê đất đai	Quyển	100	20	Phiếu YKKT
	- Biên tập và in bản đồ	Mảnh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
II	**Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính**				
1	**Sổ mục kê đất đai**				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày, ký hiệu loại đất, mã đối tượng sử dụng, quản lý đất	Quyển	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính	Thửa	50	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất	Thửa	50	20	Phiếu YKKT
2	**Sổ địa chính**				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày	Thửa	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính đầy đủ của thửa đất, chủ sử dụng vào sổ	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với sổ mục kê đất đai	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với đơn đăng ký, cấp GCN, danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, bản sao GCN	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với hồ sơ đăng ký biến động, bản lưu GCN và bản đồ địa chính đã chỉnh lý (trong quá trình quản lý biến động)	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
3	**Sổ cấp giấy chứng nhận**				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách trình bày	Quyển	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với bản sao GCN	Giấy	100	20	Phiếu YKKT
4	**Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**				
	- Kiểm tra hình thức, quy cách viết GCN	GCN	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra đối chiếu với bản đồ địa chính, đơn đăng ký cấp GCN đã được duyệt, danh sách, quyết định cấp GCN (nếu có)	GCN	100	20	Phiếu YKKT
III	**Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất**				
1	**Kết quả thống kê đất đai**				
	Mức độ đầy đủ của tài liệu, số liệu và tính pháp lý hồ sơ kết quả thống kê	Hồ sơ	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	Mức độ đầy đủ, chính xác của việc tổng hợp các khoanh đất trong danh sách các khoanh đất trong kỳ thống kê	Bản đồ	100	30	Phiếu YKKT
	Tính chính xác trong việc tổng hợp số liệu trong các biểu thống kê	Biểu	100	30	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất số liệu giữa các biểu số liệu thống kê của từng cấp; giữa biểu số liệu với báo cáo kết quả thống kê đất đai	Biểu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra báo cáo kết quả thống kê đất đai	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	**Kết quả kiểm kê đất đai**				
	Mức độ đầy đủ của tài liệu, số liệu và tính pháp lý hồ sơ kết quả kiểm kê	Hồ sơ	100	30	Phiếu YKKT
	Kiểm tra thực địa tại cấp xã: Tính đầy đủ, chính xác của việc khoanh vẽ các khoanh đất và xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất trên bản đồ kiểm kê đất đai của cấp xã	Mảnh	100	30	Phiếu YKKT
	Mức độ đầy đủ, chính xác của việc tổng hợp các khoanh đất trong danh sách các khoanh đất trong kỳ kiểm kê	Bản đồ	100	30	Phiếu YKKT
	Tính chính xác trong việc tổng hợp số liệu trong các biểu kiểm kê	Biểu	100	30	Phiếu YKKT
	Tính thống nhất số liệu giữa các biểu số liệu thống kê của từng cấp; giữa biểu số liệu với báo cáo kết quả thống kê đất đai	Biểu	100	30	Phiếu YKKT
	Kiểm tra báo cáo kết quả kiểm kê đất đai	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	Kiểm tra bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Bản đồ	100	30	Phiếu YKKT
	Kiểm tra báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	Kiểm tra bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã	Bản đồ	100	30	Phiếu YKKT
	Kiểm tra bộ biểu số liệu kết quả kiểm kê đất đai	Biểu	100	30	Phiếu YKKT
IV	**Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai**				
1	**Cơ sở dữ liệu địa chính do địa phương tổ chức xây dựng**				
1.1	**Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu, dữ liệu**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Các tài liệu, dữ liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, dữ liệu; đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu, dữ liệu; tổng hợp các thửa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.2	**Dữ liệu không gian đất đai nền**				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian đất đai nền	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian đất đai nền	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
1.3	**Dữ liệu không gian địa chính**				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày các đối tượng không gian địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
1.4	**Dữ liệu thuộc tính địa chính**				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Chuẩn hóa thông tin dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian địa chính	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra sổ địa chính điện tử	Thửa	100	10	Phiếu YKKT
1.5	**Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về địa chính**				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của giấy tờ pháp lý hồ sơ quét dạng số	Hồ sơ	100	10	Phiếu YKKT
	- Hồ sơ quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Hồ sơ	100	10	Phiếu YKKT
	- Liên kết bộ hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL địa chính	Hồ sơ	100	10	Phiếu YKKT
1.6	**Kiểm tra nội dung hoàn thiện dữ liệu địa chính**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu địa chính	Xã	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu, ký số vào sổ địa chính điện tử	Xã	100	20	Phiếu YKKT
1.7	**Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu địa chính**				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu địa chính	Xã	100	20	
1.8	**Đối soát, tích hợp dữ liệu vào hệ thống**				
	- Kiểm tra đối soát thông tin thửa đất, ký số vào sổ địa chính điện tử	Thửa	100	10	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Xã	100	20	Phiếu YKKT
1.9	**Kiểm tra chuyển đổi cơ sở dữ liệu địa chính *(áp dụng khi thực hiện chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính đã xây dựng trước ngày 01/8/2024)***				
	- Kiểm tra mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu	Mô hình	100	20	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu sau khi chuyển đổi	Thửa	100	10	Phiếu YKKT
2	**Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do địa phương tổ chức xây dựng**				
2.1	**Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu, dữ liệu**				
	- Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu, dữ liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu, dữ liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.2	**Dữ liệu không gian kiểm kê đất đai**				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các đối tượng không gian kiểm kê đất đai	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày các đối tượng không gian kiểm kê đất đai	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
2.3	**Dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
2.4	**Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về thống kê, kiểm kê đất đai**				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kiểm tra danh mục tra cứu bộ tài liệu thống kê, kiểm kê đất đai dạng số trong cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	10	Phiếu YKKT
2.5	**Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai**				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
2.6	**Tích hợp dữ liệu vào hệ thống**				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
3	**Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do địa phương tổ chức xây dựng**				
3.1	**Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu**				
	- Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.2	**Dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
3.3	**Dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
3.4	**Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dạng số trong cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
3.5	**Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
3.6	**Tích hợp dữ liệu vào hệ thống**				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
4	**Cơ sở dữ liệu giá đất do địa phương tổ chức xây dựng**				
4.1	**Thu thập, đánh giá và phân loại tài liệu**				
	- Các tài liệu thu thập, sắp xếp tài liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.2	**Dữ liệu không gian giá đất**				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian giá đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian giá đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
4.3	**Dữ liệu thuộc tính giá đất**				
	Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu giá đất theo bảng giá đất; hệ số điều chỉnh giá đất; giá đất cụ thể; giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giá đất chuyển nhượng trên thị trường; dữ liệu về vùng giá trị, dữ liệu về thửa đất chuẩn, vị trí đất theo bảng giá đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất	Thửa	100	20	Phiếu YKKT
4.4	**Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về giá đất**				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	10	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu giá đất dạng số trong cơ sở dữ liệu giá đất	Bộ CSDL	100	10	Phiếu YKKT
4.5	**Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu giá đất**				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu giá đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
4.6	**Tích hợp dữ liệu vào hệ thống**				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
5	**Cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất do địa phương tổ chức xây dựng**				
5.1	**Thu thập các tài liệu, dữ liệu**				
	- Các tài liệu, dữ liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thu thập tài liệu, đánh giá, phân loại, lựa chọn tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
5.2	**Dữ liệu không gian điều tra, đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Kiểm tra mối quan hệ giữa các lớp đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Mức độ đầy đủ về nội dung, độ chính xác vị trí, biên tập trình bày của các đối tượng không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
	- Tính thống nhất dữ liệu không gian dọc biên giữa các đơn vị hành chính; việc đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan	Đối tượng	100	20	Phiếu YKKT
5.3	**Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Tính đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
5.4	**Dữ liệu đất đai phi cấu trúc về điều tra, đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Kiểm tra chất lượng ảnh quét	Trang	100	20	Phiếu YKKT
	- Mức độ đầy đủ của tài liệu quét dạng số	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Bộ tài liệu quét dạng số ở khuôn dạng tập tin PDF	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Danh mục tra cứu bộ tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất dạng số trong cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
5.5	**Kiểm tra nội dung siêu dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Mức độ đầy đủ, chính xác thông tin siêu dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
5.6	**Tích hợp dữ liệu vào hệ thống**				
	- Kiểm tra tích hợp dữ liệu đã đối soát vào hệ thống	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
V	**Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**				
1	**Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**				
1.1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.2	**Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc việc sử dụng đất của tỉnh**				
	- Bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.3	**Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**				
	Báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.4	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**				
	- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.5	**Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất**				
	Báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất trên địa bàn tỉnh	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**				
	Báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.7	**Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**				
	Báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1.8	**Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm**				
	Báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.9	**Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất**				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Các bản đồ chuyên đề	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.10	**Báo cáo quy hoạch sử dụng đất**				
	- Báo cáo quy hoạch sử dụng đất và báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bản đồ quy hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
2	**Lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã**				
2.1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất của cấp xã**				
	- Bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất của cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.3	**Phân tích, đánh giá các nguồn lực của cấp xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	Báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của cấp xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.4	**Phân tích, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã**				
	Báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.5	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước**				
	- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**				
	Báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.7	**Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**				
	Báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.8	**Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**				
	Báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.9	**Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất**				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Các báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.10	**Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã**				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã; bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm đầu	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã**				
	- Báo cáo và báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
3	**Lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã**				
3.1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.2	**Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến việc sử dụng đất của cấp xã**				
	Các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến việc sử dụng đất của cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.3	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	Báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.4	**Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã**				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã; bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất 05 năm	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất 05 năm	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.5	**Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã**				
	- Báo cáo và báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bản đồ kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
4	**Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**	Công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm như Mục 1 Phần V			
5	**Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp xã và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã**	Công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm như Mục 2 Phần V			
6	**Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã**	Công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm như Mục 3 Phần V			
VI	**Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất (gọi tắt là bảng giá đất)**				
1	**Xây dựng bảng giá đất (theo khu vực, vị trí)**				
1.1	**Xác định loại đất, khu vực, vị trí tại từng xã, phường**				
	- Kết quả xác định loại đất	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định khu vực	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Kết quả xác định vị trí đất	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
1.2	**Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường**				
	- Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất tại xã, phường	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.3	**Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất tại cấp xã**				
	- Bảng tổng hợp giá đất cấp xã	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại xã, phường	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.4	**Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành**				
	- Bảng tổng hợp giá đất cấp tỉnh	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại cấp tỉnh	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.5	**Kết quả xây dựng bảng giá đất**				
	- Bảng giá đất	Bảng giá	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	**Điều chỉnh bảng giá đất**				
2.1	**Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường,**				
	- Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường	Báo cáo	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất tại xã, phường	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại xã, phường	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.2	**Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành**				
	- Tại cấp xã				
	+ Bảng tổng hợp giá đất cấp xã	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	+ Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại xã, phường	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	+ Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất tại cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành				
	+ Bảng tổng hợp giá đất cấp tỉnh	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	+ Bảng thống kê giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại xã, phường	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	+ Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.3	**Xây dựng bảng giá đất điều chỉnh**				
	- Bảng giá đất điều chỉnh của một loại đất, một số	Bảng giá	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	loại đất hoặc tất cả các loại đất; điều chỉnh giá đất tại một vị trí đất, một số vị trí đất hoặc tất cả các vị trí đất				
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất điều chỉnh	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
VII	**Điều tra, đánh giá đất đai và bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
1	**Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai**				
1.1	**Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa**				
	- Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.2	**Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập**				
	- Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.3	**Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa**				
	- Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra	Tập biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa.	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.4	**Điều tra, lấy mẫu đất**				
	- Kiểm tra thực địa:				
	+ Việc khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra tại thực địa	Khoanh đất trên bản đồ điều tra thực địa	50	5	Phiếu YKKT
	+ Vị trí điểm điều tra phẫu diện đất tại thực địa	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	+ Ảnh mặt cắt, ảnh cảnh quan khu vực điều tra phẫu diện đất	Ảnh	30	5	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	+ Thông tin mô tả phẫu diện đất và thông tin về khoanh đất điều tra	Bản mô tả	30	5	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra; vị trí điểm điều tra phẫu diện	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra phẫu diện đất				
	+ Bản mô tả phẫu diện đất	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	+ Mẫu đất, tiêu bản đất	Tiêu bản đất	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)	Bảng	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kết quả điều tra thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, lấy mẫu đất tại thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.5	**Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp**				
	- Kết quả thống kê danh sách phẫu diện điều tra và mẫu đất	Tập biểu	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu	Phiếu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá chất lượng đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá tiềm năng đất đai cho các loại đất hiện trạng và định hướng sử dụng đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.6	**Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai**				
	- Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ chất lượng đất và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Kết quả khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi	Lớp thông tin trên bản đồ chất lượng đất	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ tiềm năng đất đai và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Bộ dữ liệu	100	20	Phiếu YKKT
1.7	**Phân tích, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất**				
	- Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định xu hướng, nguyên nhân và dự báo nguy cơ thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả đề xuất các biện pháp, giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.8	**Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai**				
	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	**Điều tra thoái hóa đất**				
2.1	**Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa**				
	- Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả khảo sát sơ bộ tại thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.2	**Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập**				
	- Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.3	**Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra	Tập biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.4	**Điều tra thực địa phục vụ đánh giá thoái hóa đất**				
	- Kiểm tra thực địa				
	+ Việc khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra tại thực địa	Khoanh đất trên bản đồ điều tra thực địa	30	5	Phiếu YKKT
	+ Vị trí điểm điều tra thoái hóa đất tại thực địa	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	+ Ảnh cảnh quan khu vực, điểm điều tra	Ảnh	30	5	Phiếu YKKT
	+ Thông tin mô tả về điểm điều tra, nội dung điều tra	Bản mô tả	30	5	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra; xác định vị trí điểm điều tra thoái hóa tại thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra các loại hình thoái hóa	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Mẫu đất và Phiếu lấy mẫu đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)	Bảng	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kết quả điều tra thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.5	**Tổng hợp xử lý thông tin tài liệu nội và ngoại nghiệp**				
	- Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu	Phiếu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2.6	**Xây dựng bản đồ thoái hóa đất**				
	- Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ thoái hóa đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra trong lớp thông tin khoanh đất của bản đồ điều tra thực địa	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị suy giảm độ phì và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị xói mòn và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị mặn hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ đất bị phèn hóa và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Bản đồ thoái hóa đất và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi	Lớp thông tin trên bản đồ thoái hóa đất	100	20	Phiếu YKKT
	- Dữ liệu thoái hóa đất	Bộ dữ liệu	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2.7	**Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân thoái hóa đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất**				
	- Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định xu hướng, nguyên nhân và dự báo nguy cơ thoái hóa đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kết quả đề xuất các biện pháp, giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.8	**Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất**				
	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	**Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất**				
3.1	**Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa**				
	- Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.2	**Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập**				
	- Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.3	**Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa**				
	- Bản đồ điều tra thực địa và báo cáo thuyết minh bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra	Tập biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kế hoạch điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.4	**Điều tra, lấy mẫu phục vụ đánh giá ô nhiễm đất**				
	- Kiểm tra thực địa				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	+ Việc khoanh vùng xác định và chỉnh lý ranh giới các khoanh đất theo các nguồn gây ô nhiễm đất, tác nhân gây ô nhiễm	Khoanh đất trên bản đồ điều tra thực địa	30	5	Phiếu YKKT
	+ Vị trí điểm điều tra, lấy mẫu đất	Điểm	30	5	Phiếu YKKT
	+ Ảnh cảnh quan khu vực điều tra, điểm lấy mẫu đất	Ảnh	30	5	Phiếu YKKT
	+ Thông tin mô tả về điểm điều tra, nội dung điều tra	Bản mô tả	30	5	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng xác định và chỉnh lý ranh giới các khoanh đất theo các nguồn gây ô nhiễm đất, tác nhân gây ô nhiễm	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra xác định hướng lan tỏa ô nhiễm; điều tra xác định các yếu tố địa hình, địa vật có khả năng ngăn cản hoặc chặn hướng lan tỏa ô nhiễm	Bản mô tả	100	20	Phiếu YKKT
	- Mẫu đất và phiếu lấy mẫu đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra (bảng dữ liệu điều tra)	Bảng	100	30	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kết quả điều tra thực địa	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả điều tra thực địa	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.5	**Tổng hợp xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp**				
	- Kết quả phân tích mẫu đất theo yêu cầu	Phiếu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá ô nhiễm đất	Bảng biểu	100	10	Phiếu YKKT
		Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.6	**Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm**				
	- Kết quả chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ ô nhiễm đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tạo tập các lớp thông tin chuyên đề	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xây dựng lớp thông tin loại đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Bản đồ đất bị ô nhiễm và báo cáo thuyết minh xây dựng bản đồ	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo và phục hồi	Lớp thông tin trên bản đồ đất bị ô nhiễm	100	20	Phiếu YKKT
	- Dữ liệu ô nhiễm đất	Bộ dữ liệu	100	20	Phiếu YKKT
3.7	**Phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân gây ô nhiễm, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất**				
	- Bảng biểu kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	Tập biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất theo loại đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp kỹ thuật, giải pháp kinh tế, xã hội trong xử lý, cải tạo và phục hồi đất bị ô nhiễm đã thực hiện (nếu có)	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo cảnh báo, dự báo nguy cơ ô nhiễm đất.	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3.8	**Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất**				
	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4	**Bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
4.1	**Phân loại các khu vực bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Thu thập **và** xử lý thông tin, tài liệu số liệu	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Phân loại các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.2	**Tổng hợp, xác định phạm vi và mức độ cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Báo cáo tổng hợp các khu vực đất cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.3	**Xây dựng kế hoạch bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	Xác định cơ sở pháp lý, căn cứ pháp lý, sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, yêu cầu; nội dung, khối lượng; lộ trình thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cho từng khu vực bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Kế hoạch bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất bị thoái hoá; đất bị ô nhiễm.	thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT
4.4	**Xác định các biện pháp kỹ thuật, giải pháp kinh tế, xã hội để thực hiện nhiệm vụ xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	Các biện pháp kỹ thuật, giải pháp kinh tế, xã hội để thực hiện nhiệm vụ xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.5	**Thực hiện nhiệm vụ xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.6	**Giám sát, kiểm soát quá trình xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	Giám sát, kiểm soát quá trình xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đối với các khu vực đất bị thoái hóa theo nhiệm vụ đã được phê duyệt	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	Giám sát, kiểm soát quá trình xử lý, cải tạo, phục hồi đất đối với các khu vực đất bị ô nhiễm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.7	**Lập bản đồ kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất**				
	- Tạo lập các trường thông tin dữ liệu thuộc tính cho các lớp thông tin theo từng khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Lập lớp thông tin kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đến từng khu vực	Lớp thông tin	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thuyết minh bản đồ Bản đồ kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bản đồ và thuyết minh	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
	- Xây dựng dữ liệu về bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Bộ CSDL	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả cập nhật dữ liệu về bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
4.8	**Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và kiểm soát các khu vực đất bị thoái hóa, đất bị ô nhiễm chưa được bảo vệ, cải tạo, phục hồi**				
	- Thống kê, tổng hợp kết quả thực hiện việc bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo kế hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Thống kê các khu vực đất bị thoái hoá, đất bị ô nhiễm chưa được bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo kế hoạch bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất được duyệt	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT

(Ghi chú: Phiếu ý kiến kiểm tra viết tắt là Phiếu YKKT).

Phụ lục 02
CÁC MẪU VĂN BẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

- Mẫu số 01: Nhật ký giám sát công trình;

- Mẫu số 02: Phiếu ghi ý kiến kiểm tra;

- Mẫu số 03: Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 04: Báo cáo tổng kết kỹ thuật (của đơn vị thi công);

- Mẫu số 05: Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (của đơn vị thi công);

- Mẫu số 06: Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 07: Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (của đơn vị giám sát, kiểm tra);

- Mẫu số 08: Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 09: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 10: Bản tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 11: Bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 12: Công văn đề nghị quyết toán công trình (hoặc hạng mục công trình);

- Mẫu số 13: Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Mẫu số 14: Công văn đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (của đơn vị thi công);

- Mẫu số 15: Báo cáo sửa chữa sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (của đơn vị thi công);

- Mẫu số 16: Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (của đơn vị giám sát, kiểm tra).

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

NHẬT KÝ GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

Chủ đầu tư: ……

Công trình: ……..……..

Địa điểm thi công: ……..……...

Đơn vị thi công: ……..……..

Đơn vị giám sát, kiểm tra: …….……

Năm ...

NHẬT KÝ GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

Chủ đầu tư: ……..……..

Công trình: ……..……...

Địa điểm thi công: ……..……

1. ĐƠN VỊ THI CÔNG

- Đội trưởng (hoặc tổ trưởng) sản xuất: …….……

- Cán bộ kỹ thuật: …….……..

2. ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

- Tổ trưởng giám sát: ……..…….

- Cán bộ giám sát khác: ……...

- Thời gian thi công: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...

Ngày giám sát: ……..……
Người giám sát: ……..……
Công đoạn giám sát: ……..……
Thuộc địa bàn: ……..…….
Nội dung giám sát *(nhân lực, máy móc, thiết bị thi công; thực hiện quy trình, quy định kỹ thuật; tiến độ thi công; việc phát sinh tăng, giảm trong quá trình thi công; kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công ....)*:
……
……..……
……..……
……..……
……
……..……
……..……
……..……
……
……..……
……..……
……..……
……..……
……
……..……
……..……
……..……
……..

Mẫu số 02

PHIẾU GHI Ý KIẾN KIỂM TRA

Người kiểm tra:……..…… Chức vụ: .....

Đơn vị giám sát, kiểm tra: …….....…….....

Loại sản phẩm kiểm tra: …….....

Thuộc (tên công trình, dự án ...): .....

Đơn vị thi công: …….....….....

TT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến kiểm tra	Xử lý	Ghi chú
1				
2				
3				

(Địa danh), ngày tháng năm 20…

Người kiểm tra

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tên hạng mục công việc (hoặc công đoạn) kiểm tra: …….....
…….....
Thuộc công trình: .....
…….....
Họ và tên người đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra: .....
Chức vụ: .....
Đơn vị giám sát, kiểm tra: …….....
Họ và tên người đại diện đơn vị thi công: .....
Chức vụ: .....
Đơn vị thi công: .....
Kiểm tra những loại tài liệu sau: (*Tổng hợp từ các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, nêu rõ khối lượng công việc mà người kiểm tra đã thực hiện).*
Kết quả kiểm tra: .....
…….....
Nhận xét: .....
…….....
…….....
Yêu cầu đối với đơn vị thi công: .....
…….....
…….....
Ý kiến của đại diện đơn vị thi công: .....
…….....
…….....
Biên bản lập thành 03 bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thi công, 01 (một) giao cho đơn vị giám sát, kiểm tra, 01 (một) bản giao cho chủ đầu tư.

Người được kiểm tra	**Người kiểm tra**
(Ký và ghi rõ họ, tên)	*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20….

BÁO CÁO TỔNG KẾT KỸ THUẬT

Công trình: *(tên công trình hoặc hạng mục công trình)*

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, …: *(tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...).*

1. Các cơ sở pháp lý để thi công công trình: *(nêu các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc thi công công trình).*

2. Phạm vi khu vực thi công: *(nêu vắn tắt vị trí địa lý và phạm vi hành chính của khu vực thi công).*

3. Đặc điểm địa hình địa vật: *(nêu vắn tắt đặc điểm địa hình, địa vật của khu vực thi công có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và chất lượng sản phẩm).*

4. Thời gian và đơn vị thi công: *(nêu rõ thời gian bắt đầu, kết thúc và tên đơn vị thi công các hạng mục công việc).*

5. Các văn bản pháp quy, tài liệu và số liệu sử dụng khi thi công:

- Nêu rõ tên và số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản pháp quy:

- Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu, số liệu sử dụng:

6. Các phương pháp và những giải pháp kỹ thuật đã áp dụng: *(nêu rõ các phương pháp kỹ thuật, công nghệ đã áp dụng vào sản xuất, các trường hợp đã xử lý kỹ thuật ngoài phạm vi công trình, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ... các ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong thi công cụ thể đến từng công đoạn).*

7. Khối lượng công việc: *(nêu rõ khối lượng công việc theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực tế thi công).*

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Ghi chú
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
1							
2							
3							

8. Kết luận và kiến nghị: (*kết luận chung về chất lượng, khối lượng những vấn đề còn tồn tại và kiến nghị xử lý, kiến nghị những vấn đề phát sinh)*.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20….

BÁO CÁO
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Công trình: *(tên công trình hoặc hạng mục công trình)*

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,…: *(tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...)*

I. Tình hình thực hiện công trình

1. Đơn vị thi công:

2. Thời gian thực hiện: Từ tháng ... năm ..... đến tháng .... năm .....

3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công:

4. Khối lượng đã thi công:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công	
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng
1						
2						
3						

5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công:

(Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công).

6. Tổ chức thực hiện:

II. Tình hình kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị thi công

1. Cơ sở pháp lý để kiểm tra nghiệm thu:

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình, … đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt *(nêu đầy đủ tên văn bản, số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản);*

- Các văn bản quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước *(nêu rõ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành văn bản)*.

2. Thành phần kiểm tra *(nêu rõ họ và tên, chức vụ các thành viên kiểm tra):*

3. Nội dung và mức độ kiểm tra sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân

sách nhà nước: *(nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này).*

4. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: *(nêu cụ thể kết quả kiểm tra chất lượng, khối lượng từng hạng mục công việc của công trình).*

III. Kết luận và kiến nghị

1. Về khối lượng: *(nêu tên đơn vị thi công)* đã hoàn thành ….

2. Về chất lượng: *(nêu tên sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước)* đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức độ khó khăn (nếu có):

4. *(Nêu tên sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước)* chuẩn bị giao nộp để kiểm tra, nghiệm thu đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM|
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, …:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán .....… đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt *(nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);*

- Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: *(nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);*

- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

2. Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra: *(nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia kiểm tra).*

3. Đại diện đơn vị thi công: *(nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia kiểm tra).*

4. Thời gian kiểm tra

Bắt đầu: ngày ... .. tháng ... năm …...

Kết thúc: ngày ..... tháng ... năm …...

5. Khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã kiểm tra:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Tăng, giảm (+,-)	Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng		
1								
2								
3								

6. Kết luận và kiến nghị

a) Về khối lượng đã hoàn thành: *nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 5)*

b) Về chất lượng: (nêu kết luận chung về chất lượng của các hạng mục công việc đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

- Chấp nhận để tồn tại: (nếu có)

- Chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: không đạt yêu cầu nhưng vẫn chấp nhận (nếu có)

c) Mức độ khó khăn (nếu có): *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

d) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế (nếu có):

- Về khối lượng phát sinh (nếu có)

- Về việc thay đổi thiết kế đã được duyệt (nếu có)

Biên bản lập thành 04 bản, 01 (một) bản giao cho đơn vị thi công, 03 (ba) bản lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20….

BÁO CÁO GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Công trình: *(tên công trình hoặc hạng mục công trình.*

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,…: *(tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, ...).*

I. Cơ sở pháp lý để thực hiện

- Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt *(nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);*

- Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kiểm tra đã áp dụng trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: *(nêu đầy đủ tên văn bản, số và ngày, tháng, năm ban hành văn bản);*

- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

II. Thành phần giám sát, kiểm tra: *(nêu rõ họ và tên, chức vụ của các thành viên tham gia giám sát, kiểm tra).*

III. Thời gian giám sát, kiểm tra: Từ ngày ..../.../ ..... đến ngày ..../.../ ....

IV. Tình hình giám sát quản lý chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị giám sát, kiểm tra

1. Tình hình thực hiện công trình

1.1 Đơn vị thi công:

1.2. Thời gian thực hiện: Từ tháng .... năm ..... đến tháng .... năm .....

1.3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công: *(Nêu cụ thể chính xác máy móc, thiết bị thi công, phần mềm sử dụng khi thi công công trình)*

1.4. Khối lượng đã thi công: *(Khái quát việc kiểm tra đánh giá chất lượng một phần hay toàn bộ khối lượng các hạng mục công trình thuộc kế hoạch năm)*

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Ghi chú
			Dự án, thiết kế KT -DT được duyệt	Thực tế thi công	
1					
2					

1.5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công: *(Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công)*

1.6. Tổ chức thực hiện: *(Nêu rõ chủ đầu tư giao cho đơn vị, bộ phận nào thi công những phần việc và hạng mục nào)*

2. Tiến độ thực hiện: *(Đánh giá tiến độ thi công có đảm bảo theo kế hoạch về tiến độ thi công và tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm của từng hạng mục công việc)*

3. Quy trình thực hiện: *(Đánh giá quy trình thi công có đảm bảo theo dự án, thiết kế kỹ thuật dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt của từng hạng mục công việc)*

4. Tình hình kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị thi công

- Tình hình kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công:

(+ Đánh giá công tác kiểm tra chất lượng các hạng mục công việc của đơn vị thi công theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này;

+ Đánh giá tính đầy đủ hợp lệ công tác kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định. Nhận xét về các thay đổi phát sinh, tồn tại do đơn vị thi công đã báo cáo.)

5. Hồ sơ nghiệm thu của đơn vị thi công

Nhận xét và đánh giá về việc lập hồ sơ kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công theo quy định Điều 12 của Quy định này)

V. Tình hình kiểm tra chất lượng, xác định khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị giám sát, kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra và mức độ kiểm tra: *(nêu rõ nội dung và mức độ kiểm tra từng hạng mục công việc của công trình theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này).*

- Khái quát tất cả các hạng mục thi công của công trình;

- Tỷ lệ % kiểm tra theo quy định.

2. Kết quả kiểm tra

Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT-DT được duyệt		Thực tế thi công		Tăng, giảm (+,-)	Đánh giá
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng		
1								
2								

VI. Kết luận và kiến nghị

1. Về khối lượng: *(tên đơn vị thi công*) đã hoàn thành *(nêu khối lượng đơn vị thi công đã thực hiện)*

2. Về chất lượng: (*tên sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước)* đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt *(Đánh giá chung chất lượng các sản phẩm của công trình đã kiểm tra bao gồm cả khối lượng phát sinh)*.

3. Về mức độ khó khăn (nếu có): *(Đánh giá mức độ khó khăn thực tế so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được phê duyệt)*.

4. *(Tên sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước)* giao nộp đã được chuẩn bị đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận nghiệm thu *(hoặc không chấp nhận)* chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT, KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Công trình: *Tên công trình hoặc hạng mục công trình*

Thuộc dự án, thiết kế KT-DT,…: *Tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,...*

I. Tình hình thực hiện công trình:

1. Đơn vị thi công:

2. Thời gian thực hiện: Từ tháng .... năm 20….. đến tháng .... năm 20..……..

3. Lực lượng kỹ thuật và thiết bị thi công: *(Nêu cụ thể chính xác máy móc, thiết bị thi công, phần mềm sử dụng khi thi công công trình)*.

4. Khối lượng đã thi công: *(Khái quát việc đã thực hiện từng hạng mục công việc, từng năm kế hoạch và tổng thể dự án hoặc toàn bộ các hạng mục).*

5. Tài liệu đã sử dụng trong thi công: *Nêu rõ nguồn gốc các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thi công.*

6. Tổ chức thực hiện: *(Nêu rõ đơn vị, bộ phận nào thi công những phần việc và hạng mục nào).*

II. Các căn cứ pháp lý đánh giá, kiểm định chất lượng

- Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế KT-DT,…;

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công;

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư;

- Các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

III. Thành phần, nội dung và kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng

1. Thành phần

Ông (Bà): …… Chức vụ: ……

Ông (Bà): …… Chức vụ: ……

2. Nội dung

a) Việc tuân thủ dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,…… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát công trình, kiểm tra chất lượng,

khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

d) Việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức độ khó khăn công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành của đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư.

3. Kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng

a) Việc tuân thủ dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư;

d) Việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành của đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư;

đ) Khối lượng, mức độ khó khăn (nếu có) và chất lượng các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của các hạng mục công việc đã đánh giá, kiểm định.

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT - DT được duyệt		Thực tế thi công		Đánh giá, kiểm định chất lượng		
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	*(Nêu cụ thể tên các hạng mục công việc đã tiến hành đánh giá, kiểm định chất lượng)*								
2									

IV. Kết luận và kiến nghị

- Về khối lượng: (nêu tên đơn vị thi công) đã hoàn thành.....

- Về chất lượng: (nêu tên sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước) đã thi công đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Mức khó khăn (nếu có).

- (Nêu tên sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước) chuẩn bị giao nộp đầy đủ và bảo đảm chất lượng theo quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị chủ đầu tư *(nêu tên cơ quan chủ đầu tư)* chấp nhận nghiệm thu *(hoặc không chấp nhận)* chất lượng, khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20…

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, …:

Được phê duyệt theo Quyết định số .../… ngày... tháng…năm .... của cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan chủ đầu tư (nếu được phân cấp)

- Chủ đầu tư công trình:

- Đơn vị thi công:

- Đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có tham gia nghiệm thu):

Các bên tiến hành nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư: (nêu rõ họ tên và chức vụ)

- Đại diện đơn thi công: (nêu rõ họ tên và chức vụ)

- Đại diện đơn vị giám sát, kiểm tra (nếu có tham gia nghiệm thu): (nêu rõ họ tên và chức vụ)

Các bên lập biên bản nghiệm thu công trình như sau:

1. Công tác thi công công trình: (nêu rõ tên các công đoạn đã thi công).

2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước sau đây:

a) Các văn bản:

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp đơn vị thi công;

- Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư;

- Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo.

b) Khối lượng, mức độ khó khăn và chất lượng các sản phẩm của các hạng mục công việc đã đánh giá, kiểm định chất lượng:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Dự án, thiết kế KT - DT được duyệt		Thực tế thi công		Nghiệm thu		
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng

1	*(Nêu cụ thể tên các hạng mục công việc)*								
2									

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

a) Về thời gian thực hiện hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình:

Bắt đầu: ngày ... .. tháng ... năm …...

Kết thúc: ngày ..... tháng ... năm …...

b) Về khối lượng đã hoàn thành: *nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 2.b)*

c) Về chất lượng: (nêu kết luận chung về chất lượng của các hạng mục công việc đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu kỹ thuật theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, … đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

- Chấp nhận để tồn tại: (nếu có)

- Chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: không đạt yêu cầu nhưng vẫn chấp nhận (nếu có)

d) Sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước chuẩn bị giao nộp: (*cần kết luận về mức độ đầy đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và của dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

đ) Mức độ khó khăn: *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)*

e) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế (nếu có):

- Về khối lượng phát sinh (nếu có)

- Về việc thay đổi thiết kế đã được phê duyệt (nếu có)

4. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu các sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước với khối lượng hoàn thành nêu ở mục 2.b (hoặc nêu cụ thể)

- Chấp nhận mức độ khó khăn của các hạng mục công việc: *(cần nêu cụ thể mức độ khó khăn của từng hạng mục công việc hoặc chấp nhận mức độ khó khăn theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).*

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA** (nếu có tham gia nghiệm thu) *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BẢN TỔNG HỢP
KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tên công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,…:

Các Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,… (nếu có): *ghi số Quyết định, ngày tháng, cơ quan Quyết định*.

Phạm vi công trình: *nêu rõ địa điểm thực hiện*

Đơn vị thi công: *Tên đơn vị có tư cách pháp nhân đầy đủ đã tham gia thi công công trình.*

Thời gian thi công: *Từ tháng ....năm ....đến tháng ..... năm.....*

Đơn vị giám sát, kiểm tra: *Tên đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.*

Thời gian giám sát, kiểm tra chất lượng: *Từ tháng ....năm ....đến tháng .... năm.*

Đơn vị đánh giá, kiểm định chất lượng: *Tên đơn vị thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.*

Thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng: *Từ tháng ....năm ....đến tháng ……. năm.*

Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT - DT được duyệt	Khối lượng thi công hoàn thành				Ghi chú
				Tổng số	Năm 20...	Năm 20...	Năm...	
			KL	KL	KL	KL	KL	
1								
2								

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

TÊN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
	(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BẢN XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tên công trình hoặc hạng mục công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,...:

Các căn cứ pháp lý

- Căn cứ *(văn bản phê duyệt và các văn bản khác nếu có của cơ quan quyết định đầu tư);*

Căn cứ Hồ sơ nghiệm thu ... (Căn cứ Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công; Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cấp chủ đầu tư; Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Căn cứ vào khối lượng sản phẩm của đơn vị thi công (nêu tên đơn vị thi công) đã hoàn thành và giao nộp).

(Tên cơ quan quyết định đầu tư) xác nhận chất lượng, khối lượng của công trình *(nêu tên công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành)* thực hiện như sau:

1. Khối lượng đã hoàn thành năm …: *(kèm theo bảng khối lượng sản phẩm hoàn thành của các hạng mục công việc):*

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Mức Khó khăn	Khối lượng	Ghi chú
1	*(Nêu cụ thể tên các hạng mục công việc)*				
2					

2. Chất lượng:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 12

TÊN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** Số: / V/v đề nghị quyết toán công trình (hoặc hạng mục công trình)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *(Địa danh), ngày tháng năm 20...*

Kính gửi: *[Cơ quan quyết định đầu tư]*

Công trình..... (hoặc hạng mục công trình.... thuộc công trình .....) của dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, … (*tên dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,……*) đã được đơn vị (*tên các đơn vị thi công*) thi công từ tháng ..... năm ..... đến tháng ..... năm ..... đã được chủ đầu tư nghiệm thu trên cơ sở kết quả (*tên đơn vị giám sát, kiểm tra, đơn vị đánh giá, kiểm định chất lượng*) kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng từ tháng .....năm ....đến tháng ..... năm.....;

(Tên đơn vị chủ đầu tư) đã lập Hồ sơ quyết toán theo quy định gửi kèm theo công văn này.

Kính đề nghị (*tên cơ quan quyết định đầu tư*) phê duyệt quyết toán công trình (*tên công trình hoặc hạng mục công trình*), sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước:

- Khối lượng, mức độ khó khăn như trong biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (hoặc hạng mục công trình);

- Tổng giá trị quyết toán là ..... đồng.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT.	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 13

TÊN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20...

BẢN TỔNG HỢP
KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tên công trình:

Thuộc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán,…:

Các Quyết định phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán (nếu có),…: *ghi số Quyết định, ngày tháng, cơ quan quyết định*;

Phạm vi công trình: *nêu rõ địa điểm thực hiện.*

Đơn vị thi công: *tên đơn vị thi công công trình*;

Thời gian thi công: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...;

Đơn vị giám sát, kiểm tra: *(tên đơn vị giám sát, kiểm tra công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước)*;

Thời gian giám sát, kiểm tra: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...;

Đơn vị đánh giá, kiểm định chất lượng: *(tên đơn vị đánh giá, kiểm định chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước)*;

Thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng: từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...;

Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước..... triệu đồng cho các hạng mục *(kê các hạng mục đầu tư riêng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước)* (nếu có);

- Ngân sách khác..... triệu đồng *(kê các hạng mục đầu tư riêng bằng từng nguồn vốn)* (nếu có);

Nơi lưu sản phẩm tại: *(ghi tên đơn vị đã lưu trữ sản phẩm theo chỉ định của cơ quan quyết định đầu tư).*

Bảng tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán công trình, sản phẩm

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Dự án, Thiết kế KT - DT được duyệt		Khối lượng hoàn thành							Ghi chú
					Tổng số		Năm 20...		Năm 20...		Năm…	
					KL	Giá trị	KL	Giá trị	KL	Giá trị	KL	

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…./……. V/v đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	*(Địa danh), ngày tháng năm 20….*

Kính gửi:
- [Chủ đầu tư];
- [Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)]

Căn cứ: ……..

Quyết định số *[số quyết định]* ngày *[ngày tháng năm phê duyệt]* của *[cấp phê duyệt quyết định]* phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Đề cương và dự toán chi tiết *[tên dự án]*;

[Văn bản giao nhiệm vụ] [hoặc hợp đồng kinh tế số ...] với *[tên đơn vị thi công]* về việc thực hiện thi công dự án *[tên dự án]*;

Dự án *[tên dự án]*, Thiết kế thi công - tổng dự toán *[tên thiết kế kỹ kỹ thuật - Dự toán Dự án]* hoặc Đề cương và dự toán chi tiết *[tên dự án]* đã được đơn vị *[tên đơn vị thi công]* thi công từ tháng…….năm…… đến tháng…… năm…… đảm bảo khối lượng và chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

[Tên đơn vị thi công] đã lập báo cáo tổng kết kỹ thuật; báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị thi công (hồ sơ lập theo quy định gửi kèm theo công văn này).

Kính đề nghị *[chủ đầu tư]* kiểm tra, nghiệm thu dự án *[tên dự án, dự án hoặc hạng mục dự án]*.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu VT.	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20….

BÁO CÁO SỬA CHỮA SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi:
- [Chủ đầu tư];
- [Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)]

Hạng mục công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: Tên hạng mục công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Thuộc Dự án/Thiết kế kỹ thuật - dự toán: Tên Dự án hoặc Thiết kế kỹ thuật - dự toán

Căn cứ vào biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và các phiếu ghi ý kiến kèm theo của…., Đơn vị thi công báo cáo *[Chủ đầu tư] và [Đơn vị thực hiện kiểm tra cấp chủ đầu tư (nếu có)* như sau:

1. Nội dung và kết quả sửa chữa:

……..

……..

……..

2. Nội dung bảo lưu (nếu có):

……..

……..

……..

3. Kết luận, kiến nghị:

……..

……..

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 16

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20….

BẢN XÁC NHẬN SỬA CHỮA SẢN PHẨM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Hạng mục công việc, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: *[tên hạng mục, sản phẩm]*

Thuộc Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán: *[tên dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán]*

Căn cứ phiếu ghi ý kiến kiểm tra và Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ……;

Căn cứ các sản phẩm giao nộp sau sửa chữa kèm theo báo cáo sửa chữa sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị thi công;

1. Đơn vị giám sát, kiểm tra] xác nhận [đơn vị thi công] đã sửa chữa các nội dung sau:

……..

……..

……..

……..

……..

2. Kết luận *(Chất lượng sản phẩm hạng mục, sản phẩm công việc đạt/chưa đạt yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và dự án hoặc thiết kế kỹ thuật - dự toán đã phê duyệt).*

……..

……..

……..

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT, KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)